TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUỶ NGUYÊN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2020/HS-ST
Ngày 10-7-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Sóng

Ông Bùi Hữu Tuyến

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Huyền - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Ngọc Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 47/2020/TLST-HS ngày 14 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2020/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2020/HSST-QĐ ngày 26 tháng 6 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. T, sinh năm 1967 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn 4, xã Đ, huyện N, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Q (đã chết) và bà P; có vợ là B và 03 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 17/QĐ-XPHC ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Công an huyện N xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc bằng hình thức phạt tiền, ngày 09 tháng 4 năm 2018 T đã thi hành xong Quyết định xử phạt vi phạm hành chính (đã được xóa); bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 18 tháng 02 năm 2020; có mặt.

2. D, sinh năm 1986 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn 4, xã Đ, huyện N, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính; Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đ và bà H; chưa có vợ con; tiền án: Bản án hình sự số 24/2019/HSST ngày 19 tháng 4 năm 2019 Tòa án nhân dân huyện N, thành phố Hải Phòng xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Đánh bạc, thời gian thử thách 24 tháng tính từ ngày tuyên

án; tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 17 tháng 01 năm 2020; có mặt.

- *Người làm chứng:* Ông V, ông S, anh H có mặt. Ông B, anh Q, ông X, anh C, chị M, bà S, bà T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 15 tháng 12 năm 2019 T đang ở nhà tại thôn 4, xã Đ, huyện N, thành phố Hải Phòng thì có D, sinh năm 1986 tại Hải Phòng, nơi cư trú: Thôn 4, xã Đ, huyện N, thành phố Hải Phòng; V, sinh năm 1968; nơi cư trú: Thôn 4, xã Đ, huyện N, thành phố Hải Phòng; B, sinh năm 1961; nơi cư trú: Thôn 3, xã Đ, huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng; Q, sinh năm 1972; nơi cư trú: Thôn T, xã Q, huyện N, thành phố Hải Phòng; C, sinh năm 1983; nơi cư trú: Thôn 4, xã Đ, huyện N, thành phố Hải Phòng; X, sinh năm 1965; nơi cư trú: Thôn 4, xã Đ, huyện N, thành phố Hải Phòng; H, sinh năm 1978; nơi cư trú: Thôn 4, xã Đ, huyện N, thành phố Hải Phòng; M, sinh năm 1984; nơi cư trú: Thôn Đ, xã M, thị xã K, tỉnh Hải Dương đến chơi. Tại nhà ở của T, D, V, B, Q cùng rủ nhau đánh bạc dưới hình thức đánh "chắn " được thua bằng tiền; C, X, H, M cùng rủ nhau đánh bạc dưới hình thức đánh "phỏm" được thua bằng tiền. Cả nhóm thỏa thuận với T để D, V, B, Q đánh bạc dưới hình thức đánh "chắn" được thua bằng tiền; C, X, H, M đánh bạc dưới hình thức đánh "phỏm" được thua bằng tiền tại tầng 01 nhà ở của T tại thôn 4, xã Đ, huyện N, thành phố Hải Phòng và trả tiền "hồ" cho T, T đồng ý. T sử dụng tầng 1 nhà ở thuộc quyền sở hữu của mình và chuẩn bị 02 bộ bài chắn, 01 đĩa sứ, 01 khay nhựa, 01 thảm đỏ, 02 hộp nhựa, 01 bộ bài tú lơ khơ, 01 chiếu cói để cho hai nhóm đánh bạc.

Tại chiếu đánh "chắn" D, V, B, Q thống nhất quy định tỉ lệ được thua như sau: "ù suông" là 30.000 đồng, "dịch" là 10.000 đồng, người nào có " cước ù" được số tiền từ 100.000 đồng đến dưới 200.000 đồng thì thì phải ra tiền "hồ" cho T số tiền là 10.000 đồng, người nào "ù" mà được số tiền trên 200.000 đồng thì ra tiền "hồ" cho T số tiền là 20.000 đồng. Khi tham gia đánh bạc D mang theo 1.900.000 đồng dùng 500.000 đồng để đánh bạc; V mang theo 4.100.000 đồng dùng 100.000 đồng để đánh bạc; B mang theo 1.120.000 đồng để đánh bạc. Khi nhóm D, V, B, Q đánh được vài ván thì có S đến chia bài, S đã chia bài cho D, V, B, Q đánh được nhiều ván và để ra được số tiền 20.000 đồng đựng trong 01 hộp nhựa là tiền hồ cho T.

Tại chiếu đánh "phỏm" C, X, H, M thống nhất quy định tỉ lệ được thua là 10.000 đồng, 20.000 đồng, 30.000 đồng, " cháy" 50.000 đồng, người nào "ù" thì những người còn lại phải trả 70.000 đồng cho người "ù" và người "ù" phải ra tiền "hồ" số tiền 10.000 đồng cho T. Khi tham gia đánh bạc H mang theo 3.900.000 đồng dùng 590.000 đồng để đánh bạc, X mang theo 2.940.000 đồng dùng 400.000 đồng để đánh bạc, C mang theo 1.000.000 đồng để đánh bạc, M mang theo 1.900.000 đồng để đánh bạc. C, X, H, M chơi được nhiều ván và để ra được số tiền 20.000 đồng đựng trong 01 hộp nhựa là tiền hồ cho Nguyễn Nguyễn Tâm.

Đám bạc chơi đến 22 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Công an huyện N kiểm tra phát hiện tại tầng 1 nhà ở của T tại thôn 4, xã Đ, huyện N, thành phố Hải Phòng gồm có 02 chiếu bạc: Chiếu bạc thứ nhất có D, V, B, Q, S; thu giữ tại chiếu bạc số tiền 2.680.000 đồng và số tiền 20.000 đồng là tiền "hồ" đựng trong 01 hộp nhựa để dưới thảm, 02 bộ bài chắn, 01 đĩa sứ, 01 khay nhựa, 01 thảm đỏ; thu giữ trong người V số tiền 4.000.000 đồng, D số tiền là 1.400.000 đồng. Chiếu bạc thứ hai có X, H, C và M; thu giữ tại chiếu bạc số tiền 3.370.000 đồng và số tiền 20.000 đồng là tiền "hồ" đựng trong 01 hộp nhựa để dưới chiếu cói, 01 bộ bài tú lơ khơ, 01 chiếu cói; thu giữ trong người C số tiền 500.000 đồng, X số tiền 2.540.000 đồng, H số tiền 3.310.000 đồng.

Bản cáo trạng số 52/CT-VKSTN ngày 11 tháng 5 năm 2020 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện N, thành phố Hải Phòng đã truy tố bị cáo T về tội Gá bạc theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự; D về tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo T và D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện N, thành phố Hải Phòng.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện N, thành phố Hải Phòng trình bày lời luận tội đối với bị cáo T và bị cáo D, vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị kết tội bị cáo T về tội Gá bạc theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự, bị cáo D về tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự theo toàn bộ nội dung cáo trạng. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo T từ 18 đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Gá bạc, ấn định thời gian thử thách tương ứng đối với bị cáo T, giao bị cáo T cho Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện N, thành phố Hải Phòng để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 56, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo D từ 12 đến 15 tháng tù về tội Đánh bạc, tổng hợp với hình phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo tại bản án hình sự số 24/2019/HSST ngày 19 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện N, thành phố Hải Phòng thành hình phạt chung, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Về hình phạt bổ sung: Đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo T và bị cáo D. Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 6.090.000 đồng; tịch thu tiêu hủy 02 bộ bài chắn, 02 hộp nhựa, 01 đĩa sứ, 01 khay nhựa, 01 thảm đỏ, 01 bộ bài tú lơ khơ, 01 chiếu cói. Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo T và bị cáo D, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N và Kiểm sát viên thu thập và tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Các chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên thu thập và hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về trình tự thủ tục, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên thu thập và không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó những chứng cứ, tài liệu và hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thu thập và thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo T và bị cáo D tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N, lời khai của người làm chứng, biên bản vụ việc, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét và công bố công khai tại phiên tòa. Như vậy đã có đủ căn cứ kết luận: Ngày 15 tháng 12 năm 2019 bị cáo D đã thực hiện hành vi đánh bạc dưới hình thức đánh chắn được thua bằng tiền với tổng số tiền dùng đánh bạc trị giá 2.700.000 đồng tại nhà ở của T tại thôn 4, xã Đ, huyện N, thành phố Hải Phòng, số tiền dùng đánh bạc trị giá dưới 5.000.000 đồng nhưng bị cáo D đã bị kết án về tội Đánh bạc chưa được xóa án tích mà còn vi phạm nên bị cáo D đã phạm tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo T đã thực hiện hành vi sử dụng nhà ở thuộc quyền sở hữu của mình tại thôn 4, xã Đ, huyện N, thành phố Hải Phòng để cho 02 chiếu bạc (chiếu bạc thứ nhất gồm có D, V, B, Q đánh bạc dưới hình thức đánh chắn được thua bằng tiền và chiếu bạc thứ hai gồm X, H, C, M đánh bạc dưới hình thức đánh "phỏm" được thua bằng tiền) trong cùng một lúc mà tổng số tiền dùng đánh bạc trị giá 6.090.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 40.000 đồng nên bị cáo T đã phạm tội Gá bạc theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng truy tố và đề nghị kết tội bị cáo T về tội Gá bạc theo quy định tại điêm b khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự và bị cáo D về tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng điều luật.

[3] Xem xét đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của từng bị cáo và quyết định hình phạt:

Hành vi phạm tội của bị cáo T và bị cáo D đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý công cộng, gây mất trật tự trị an xã hội. Vì vậy cần phải áp dụng hình phạt tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; các

tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự; vai trò và nhân thân của từng bị cáo.

Đối với bị cáo T: Bị cáo T phạm tội nghiêm trọng, nhân thân bị cáo đã bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc mà thời gian được coi là chưa bị xử phạt hành chính tính đến ngày phạm tội đã quá 06 tháng. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Sau khi phạm tội và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo được gia đình và chính quyền địa phương có đơn xin bảo lãnh đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xét nhân thân bị cáo T không có tiền án, phạm tội lần đầu, số tiền thu lợi bất chính nhỏ, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù nên áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo T mức hình phạt tù trên khởi điểm của khung hình phạt nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo theo đề nghị của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện N, thành phố Hải Phòng tại phiên tòa là đủ điều kiện cải tạo giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung, giao bị cáo T cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện N, thành phố Hải Phòng để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Đối với bị cáo D: Bị cáo D phạm tội ít nghiêm trọng, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Sau khi phạm tội và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đầu thú đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Nhưng xét bị cáo đã bị kết án về tội Đánh bạc chưa được xóa án tích và được coi là yếu tố định tội, không coi là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nhưng thể hiện ý thức coi thường pháp luật của bị cáo. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù với mức hình phạt trên khởi điểm của khung hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời hạn nhất định theo đề nghị của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện N, thành phố Hải Phòng tại phiên tòa mới đủ điều kiện cải tạo giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Bị cáo D thực hiện hành vi phạm tội mới (đánh bạc) trong thời gian thử thách của án treo nên buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo của bản án hình sự số 24/2019/HSST ngày 19 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện N, thành phố Hải Phòng và tổng hợp với hình phạt của bản án này theo quy định tại Điều 56, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự thành hình phạt chung.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 321 và khoản 3 Điều 322 của Bộ luật Hình sự thì người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Xét bị cáo T và bị cáo D không có nghề nghiệp ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo T và bị cáo D.

[4] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự xác định số tiền 6.090.000 đồng thu trên chiếu bạc là tiền dùng vào việc đánh bạc nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước; 02 bộ bài chắn, 02 hộp nhựa, 01 đĩa sứ, 01 khay nhựa, 01 thảm đỏ, 01 bộ bài tú lơ khơ, 01

chiếu cói là công cụ sử dụng vào việc đánh bạc, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo T và D, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[6] Trong vụ án này M đã bị kết án về tội Đánh bạc nhưng đã được xóa án tích; V, B, Q, C, X và H có hành vi tham gia đánh bạc với số tiền đánh bạc dưới 5.000.000 đồng nhưng nhân thân không có tiền án, tiền sự về hành vi đánh bạc, gá bạc, tổ chức đánh bạc; S có hành vi chia bài cho D, V, B, Q đánh bạc nên Công an huyện N đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N thu giữ trong người V số tiền 4.000.000 đồng, D số tiền 1.400.000 đồng, C số tiền 500.000 đồng, X số tiền 2.540.000 đồng, H số tiền 3.310.000 đồng, quá trình điều tra xác định V, D, C, X và H không sử dụng số tiền trên vào mục đích đánh bạc nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã trả lại cho V, D, C, X và H là đúng quy định pháp luật. T và S có mặt tại đám bạc nhưng không tham gia đánh bạc nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N không xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo T 18 (mười tám) tháng tù về tội Gá bạc nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 (ba mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo T cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện N, thành phố Hải Phòng để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 56, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo D 12 (mười hai) tháng tù về tội Đánh bạc, tổng hợp hình phạt với hình phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo tại Bản án hình sự số 24/2019/HSST ngày 19 tháng 4 năm 2019 củaTòa án nhân dân huyện N, thành phố Hải Phòng thành hình phạt chung là 24 (hai mươi tư) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 của Bộ luật Hình sự:

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 6.090.000 đồng (Sáu triệu không trăm chín mươi nghìn đồng) thu trên chiếu bạc *(*Theo biên lai thu tiền số 0000342 ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, thành phố Hải Phòng).

Tịch thu tiêu hủy 02 hộp nhựa, 01 đĩa sứ, 01 thảm đỏ, 01 khay nhựa, 02 bộ bài chắn, 01 bộ bài tú lơ khơ, 01 chiếu cói tất cả đã qua sử dụng (Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, thành phố Hải Phòng).

Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm /2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo D chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. .

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP Hải Phòng;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Hải Phòng;
- PV06 Công an thành phố Hải Phòng;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện N;
- Cơ quan điều tra Công an huyện N;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Uỷ ban nhân dân cấp xã (nơi bị cáo cư trú);
- Bị cáo;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thu Hiền